



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa số** 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0101463614 ngày 28 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 28 tháng 10 năm 2020.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
Ông Phan Quang Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên (từ ngày 22/04/2024)
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên (đến ngày 22/04/2024)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam





KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

2-c  
TY  
HỮU  
IG  
A-1



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00243-24-1



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2024**

Trương Tuyết Mai  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

T.T.  
HẠN  
P.P.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>843.436.667.732</b>	<b>825.728.492.434</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>90.556.382.444</b>	<b>94.581.864.596</b>
Tiền	111		90.556.382.444	94.581.864.596
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>70.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	70.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>205.432.667.083</b>	<b>145.208.680.240</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	178.393.675.055	119.272.129.943
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.440.488.627	18.907.699.805
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	28.352.071.206	27.334.571.739
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(19.753.567.805)	(20.305.721.247)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>472.142.459.443</b>	<b>579.734.803.991</b>
Hàng tồn kho	141		472.142.459.443	579.734.803.991
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.305.158.762</b>	<b>6.203.143.607</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		568.228.251	1.984.914.182
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	247.838.133
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	4.736.930.511	3.970.391.292

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>881.569.232.783</b>	<b>913.371.249.440</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>234.786.599.507</b>	<b>249.904.488.479</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	232.526.172.130	247.524.148.102
Nguyên giá	222		746.114.356.454	740.785.606.380
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.588.184.324)	(493.261.458.278)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.260.427.377	2.380.340.377
Nguyên giá	228		8.999.935.312	8.828.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.739.507.935)	(6.448.594.935)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.445.734.140</b>	<b>12.445.734.140</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	12.445.734.140	12.445.734.140
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>562.333.587.012</b>	<b>584.768.982.685</b>
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(119.366.412.988)	(96.931.017.315)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.003.312.124</b>	<b>66.252.044.136</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	72.003.312.124	66.252.044.136
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.725.005.900.515</b>	<b>1.739.099.741.874</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>499.434.120.263</b>	<b>445.490.650.767</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>497.434.120.263</b>	<b>443.490.650.767</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	126.724.552.595	156.569.517.313
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.185.563.032	1.367.864.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	13.383.339.347	8.369.503.929
Phải trả người lao động	314		24.057.716.267	21.573.616.875
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	29.729.870.106	2.736.654.795
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.252.910.826	4.226.045.174
Vay ngắn hạn	320	23	289.230.374.815	237.450.918.173
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	6.869.793.275	11.196.530.298
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.225.571.780.252</b>	<b>1.293.609.091.107</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>1.225.571.780.252</b>	<b>1.293.609.091.107</b>
Vốn cổ phần	411	26	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	369.064.672.161	369.064.672.161
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.040.593.400	92.077.904.255
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.524.571.056	8.534.976.131
- LNST kỳ này/năm nay	421b		16.516.022.344	83.542.928.124
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.725.005.900.515</b>	<b>1.739.099.741.874</b>

2.5 -08- 2024

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>30</b>	<b>930.227.628.848</b>	<b>852.573.070.660</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>31</b>	<b>704.755.247.546</b>	<b>664.515.039.916</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>225.472.381.302</b>	<b>188.058.030.744</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	18.530.883.682	29.483.053.841
Chi phí tài chính	22	33	32.981.078.583	16.165.159.695
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.829.007.533	14.578.319.578
Chi phí bán hàng	25	34	133.520.840.070	98.812.877.954
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	41.409.745.064	41.032.367.138
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>36.091.601.267</b>	<b>61.530.679.798</b>
Thu nhập khác	31		2.215.274.410	814.742.662
Chi phí khác	32		1.378.040.450	1.996.145.234
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>837.233.960</b>	<b>(1.181.402.572)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>36.928.835.227</b>	<b>60.349.277.226</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>37</b>	<b>4.389.549.773</b>	<b>6.934.905.487</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>32.539.285.454</b>	<b>53.414.371.739</b>

**2.5 -08- 2024**

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng




Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>36.928.835.227</b>	<b>60.349.277.226</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	22.313.345.788	24.282.575.851
Các khoản dự phòng	03	21.883.242.231	1.181.270.873
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.231.438.930	(992.192.364)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.914.036.248)	(27.829.748.085)
Chi phí lãi vay	06	6.829.007.533	14.578.319.578
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>72.271.833.461</b>	<b>71.569.503.079</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(52.942.603.674)	(35.355.076.831)
Biến động hàng tồn kho	10	107.592.344.548	66.720.669.135
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.669.897.417	(7.122.216.599)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.029.458.628)	(348.430.440)
		<b>127.562.013.124</b>	<b>95.464.448.344</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.703.083.060)	(14.578.319.578)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.658.770.447)	(2.633.638.397)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.925.731.694)	(10.875.836.394)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>109.274.427.923</b>	<b>67.376.653.975</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.430.890.245)	(7.203.164.042)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	83.636.364	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	16.099.194.405	27.829.748.085
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(66.248.059.476)</b>	<b>20.626.584.043</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	421.250.235.271	463.075.585.511
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(371.586.517.190)	(536.663.154.471)
Tiền trả cổ tức	36	(96.715.444.440)	(56.704.789.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(47.051.726.359)</b>	<b>(130.292.358.560)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(4.025.357.912)</b>	<b>(42.289.120.542)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	94.581.864.596	68.220.720.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(124.240)	1.241.607.530
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	<b>70</b>	<b>90.556.382.444</b>	<b>27.173.207.724</b>

**2.5 -08- 2024**

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởngLê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 17.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty có 334 nhân viên (1/1/2024: 338 nhân viên).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng**

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipeç, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

T.T.A  
HẠN  
P.H



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Thuê tài sản**

**Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.033.227.879	2.869.665.442
Tiền gửi ngân hàng	88.523.154.565	91.712.199.154
	<hr/>	<hr/>
	<b>90.556.382.444</b>	<b>94.581.864.596</b>

**9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và được hưởng lãi suất 5,1% một năm.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	674.061.960	233.843.500
<i>Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ</i>		
Công ty Xăng dầu Nghệ An	10.337.687.859	4.232.926.322
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	3.368.564.155	3.763.958.377
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	3.303.340.076	4.231.120.861
Các công ty con khác của Công ty mẹ	68.956.573.586	50.427.376.874
	<hr/> 86.640.227.636	<hr/> 62.889.225.934
<b>Các bên khác</b>		
Total Lubrificants Hong Kong Limited	17.054.126.925	4.479.030.500
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Các khách hàng khác	67.232.843.583	44.437.396.598
	<hr/> 91.753.447.419	<hr/> 56.382.904.009
	<hr/> <b>178.393.675.055</b>	<hr/> <b>119.272.129.943</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	1.093.470.078	5.142.904.461
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	17.104.783.424	16.212.407.171
	<hr/> 18.198.253.502	<hr/> 21.355.311.632
<b>Các bên khác</b>		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	4.698.258.497	2.780.511.845
Lãi tiền gửi dự thu	1.731.205.479	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.724.353.728	3.198.748.262
	<hr/> 28.352.071.206	<hr/> 27.334.571.739

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Vinashin	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	1.326.286.342	(1.326.286.342)	-	Trên 3 năm	1.326.286.342	(1.326.286.342)	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoàng Phát	Trên 3 năm	4.599.090.480	(4.599.090.480)	-	Trên 3 năm	5.666.938.390	(5.666.938.390)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	1.192.175.648	(834.522.954)	357.652.694	2 - 3 năm	1.192.175.648	(834.522.954)	357.652.694
Các công ty khác	1 - 2 năm	592.892.627	(296.446.314)	296.446.313	1 - 2 năm	261.600.907	(130.800.454)	130.800.453
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	2.194.021.113	(658.206.333)	1.535.814.780	6 tháng - 1 năm	1.027.192.413	(308.157.725)	719.034.688
		<b>21.943.481.592</b>	<b>(19.753.567.805)</b>	<b>2.189.913.787</b>		<b>21.513.209.082</b>	<b>(20.305.721.247)</b>	<b>1.207.487.835</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(19.753.567.805)

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	20.305.721.247	20.243.307.005
Trích lập trong kỳ	543.283.478	697.290.258
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.095.436.920)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	19.753.567.805	20.940.597.263
	<hr/>	<hr/>

**13. Hàng tồn kho**

	<b>Giá gốc</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	16.210.419.740	60.520.712.617
Nguyên vật liệu	257.529.641.759	291.042.800.973
Công cụ và dụng cụ	7.109.621.693	5.563.506.661
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.995.250.592	37.397.303.934
Thành phẩm, hàng hóa	152.297.525.659	185.210.479.806
	<hr/>	<hr/>
	472.142.459.443	579.734.803.991
	<hr/>	<hr/>



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	293.142.637.960	354.558.439.341	60.913.832.813	32.170.696.266	740.785.606.380
Tăng trong kỳ	201.030.000	4.486.936.188	-	1.641.614.057	6.329.580.245
Thanh lý	-	-	(1.000.830.171)	-	(1.000.830.171)
Số dư cuối kỳ	293.343.667.960	359.045.375.529	59.913.002.642	33.812.310.323	746.114.356.454
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	190.542.142.943	241.036.054.412	37.291.917.565	24.391.343.358	493.261.458.278
Khấu hao trong kỳ	7.931.656.708	10.293.933.409	1.852.804.576	1.249.161.524	21.327.556.217
Thanh lý	-	-	(1.000.830.171)	-	(1.000.830.171)
Số dư cuối kỳ	198.473.799.651	251.329.987.821	38.143.891.970	25.640.504.882	513.588.184.324
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	102.600.495.017	113.522.384.929	23.621.915.248	7.779.352.908	247.524.148.102
Số dư cuối kỳ	94.869.868.309	107.715.387.708	21.769.110.672	8.171.805.441	232.526.172.130

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 204.033 triệu VND (1/1/2024: 201.705 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	8.828.935.312
Tăng trong kỳ	171.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.999.935.312
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	6.448.594.935
Khấu hao trong kỳ	290.913.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.739.507.935
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.380.340.377
Số dư cuối kỳ	2.260.427.377
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có tài sản với nguyên giá 5.350 triệu VND (1/1/2024: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	12.445.734.140	8.426.073.231
Tăng trong kỳ	-	39.900.909
Số dư cuối kỳ	12.445.734.140	8.465.974.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Dự án Kho Đà Nẵng	7.971.073.231	7.971.073.231
Phần mềm kế toán	3.686.760.000	3.686.760.000
Tài sản chờ lắp đặt và các công trình khác	787.900.909	787.900.909
	12.445.734.140	12.445.734.140

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2024				1/1/2024				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu quyết % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu quyết % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>									
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Hà Nội	100%	361.400.000.000	- (*)	- (*)	100%	361.400.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội	100%	254.300.000.000	(53.366.412.988)	(*)	100%	254.300.000.000	(30.931.017.315)	(*)
			<u>615.700.000.000</u>	<u>(53.366.412.988)</u>			<u>615.700.000.000</u>	<u>(30.931.017.315)</u>	
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>									
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(**)	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(**)
			<u>681.700.000.000</u>	<u>(119.366.412.988)</u>			<u>681.700.000.000</u>	<u>(96.931.017.315)</u>	

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	96.931.017.315	89.287.592.719
Trích lập dự phòng trong kỳ	22.435.395.673	2.443.942.086
Hoàn nhập trong kỳ	-	(1.959.961.471)
Số dư cuối kỳ	119.366.412.988	89.771.573.334

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	28.002.595.823	13.536.086.178	7.800.441.755	16.912.920.380	66.252.044.136
Tăng trong kỳ	-	-	1.824.400.173	14.995.903.646	16.820.303.819
Phân bổ trong kỳ	(412.874.777)	(282.001.794)	(3.215.397.210)	(7.158.762.050)	(11.069.035.831)
Số dư cuối kỳ	27.589.721.046	13.254.084.384	6.409.444.718	24.750.061.976	72.003.312.124

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
Các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	2.059.929.840	5.141.416.800
Công ty TNHH Castrol BP PETCO – công ty liên kết của công ty mẹ	1.241.185.162	103.806.935
	<hr/>	<hr/>
	3.301.115.002	5.245.223.735
<b>Các bên khác</b>		
Exxon Mobil Asia Ltd	81.466.753.624	111.989.601.548
Totalenergies Lubrifiants	8.799.982.310	8.621.274.669
Ducat Chemical Co., LTD	8.138.477.030	3.609.276.000
Công ty TNHH Châu Phước Thành	4.403.347.280	3.174.608.564
Các nhà cung cấp khác	20.614.877.349	23.929.532.797
	<hr/>	<hr/>
	123.423.437.593	151.324.293.578
	<hr/>	<hr/>
	126.724.552.595	156.569.517.313

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024		Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ trong kỳ		30/6/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	4.090.119.540	167.389.211.719	(66.821.647.815)	(97.999.883.956)	-	6.657.799.488	
Thuế nhập khẩu	-	-	3.465.409.701	(3.542.823.259)	-	77.413.558	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.970.391.292	1.144.788.761	4.389.549.773	(3.658.770.447)	-	4.410.699.318	2.315.876.113	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.803.084.520	14.528.934.460	(14.630.759.400)	-	-	2.701.259.580	
Thuế thu nhập cá nhân	-	331.511.108	3.769.197.866	(3.458.183.093)	-	248.817.635	891.343.516	
Thuế khác	-	-	1.359.961.332	(542.900.682)	-	-	817.060.650	
	3.970.391.292	8.369.503.929	194.902.264.851	(92.655.084.696)	(97.999.883.956)	4.736.930.511	13.383.339.347	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	19.959.606.407	2.678.779.395
Chi phí lưu tàu	4.710.314.067	-
Chi phí phải trả khác	5.059.949.632	57.875.400
	<hr/>	<hr/>
	29.729.870.106	2.736.654.795
	<hr/>	<hr/>

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Phải trả cổ tức	2.472.847.070	2.231.212.310
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.570.539.976	1.718.421.159
Các khoản phải trả khác	209.523.780	276.411.705
	<hr/>	<hr/>
	5.252.910.826	4.226.045.174
	<hr/>	<hr/>

**23. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2024</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>		<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	237.450.918.173	421.250.235.271	(371.586.517.190)	2.115.738.561	289.230.374.815
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm (%)</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	2,8 - 5,5%	165.921.373.107	89.490.228.576
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,4 - 4,5%	48.811.731.444	84.320.760.592
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	4 - 4,8%	74.497.270.264	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	3,8 - 5,3%	-	63.639.929.005
			<b>289.230.374.815</b>	<b>237.450.918.173</b>

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

## 24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Số dư đầu kỳ	11.196.530.298	12.450.707.101
Trích lập trong kỳ	3.598.994.671	10.773.120.591
Sử dụng trong kỳ	(7.925.731.694)	(10.875.836.394)
Số dư cuối kỳ	<b>6.869.793.275</b>	<b>12.347.991.298</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lũ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 1/1/2023</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	368.413.777.386	20.463.604.691	(7.634.454.090)	1.193.245.837.987
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	53.414.371.739	53.414.371.739
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	650.894.775	-	(650.894.775)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.773.120.591)	(10.773.120.591)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(11.117.594)	(11.117.594)
<b>Số dư ngày 30/6/2023</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	34.344.784.689	1.235.875.971.541
<b>Số dư ngày 1/1/2024</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	92.077.904.255	1.293.609.091.107
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	32.539.285.454	32.539.285.454
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.598.994.671)	(3.598.994.671)
Chia cổ tức (Thuyết minh số 27)	-	-	-	-	-	-	(96.957.079.200)	(96.957.079.200)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(20.522.438)	(20.522.438)
<b>Số dư ngày 30/6/2024</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	24.040.593.400	1.225.571.780.252



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	VND	%
<b>Cổ đông</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 96.957 triệu VND (tương đương mức 1.200 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.187	30.245.146	15.320	372.600.557
Euro (“EUR”)	174	4.844.310	179	4.940.667
		<u>35.089.456</u>		<u>377.541.224</u>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	33.375.000.000	47.571.000.000
	<u>33.375.000.000</u>	<u>47.571.000.000</u>

**30. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Bán dầu mỡ nhờn	904.023.036.355	843.016.886.857
Bán hàng hóa khác	26.204.592.493	9.556.183.803
	<u>930.227.628.848</u>	<u>852.573.070.660</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	678.795.507.486	655.213.642.639
Giá vốn hàng hóa khác	25.959.740.060	9.301.397.277
	<hr/>	<hr/>
	704.755.247.546	664.515.039.916
	<hr/>	<hr/>

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.807.136.774	225.174.923
Lợi nhuận được chia	16.023.263.110	27.604.573.162
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	700.483.798	1.653.305.756
	<hr/>	<hr/>
	18.530.883.682	29.483.053.841
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.829.007.533	14.578.319.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.332.553.329	848.834.319
Dự phòng tổn thất đầu tư	22.435.395.673	483.980.615
Chiết khấu thanh toán	384.122.048	254.025.183
	<hr/>	<hr/>
	32.981.078.583	16.165.159.695
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.542.696.643	10.910.091.151
Chi phí vận chuyển	15.537.510.900	13.416.637.660
Chi phí hỗ trợ bán hàng	41.021.146.991	31.815.744.032
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	11.310.421.448	9.733.385.548
Chi phí khấu hao	3.557.182.937	2.513.500.105
Chi phí sửa chữa	2.833.677.334	2.338.629.134
Chi phí bán hàng khác	40.718.203.817	28.084.890.324
	<b>133.520.840.070</b>	<b>98.812.877.954</b>

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.845.563.926	18.906.845.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.157.015.034	3.465.838.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.102.445.326	4.674.121.763
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.304.720.778	13.985.561.826
	<b>41.409.745.064</b>	<b>41.032.367.138</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	625.425.451.453	579.678.513.240
Chi phí nhân viên	59.163.692.346	44.351.830.517
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.313.345.788	24.282.575.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.969.456.778	12.468.028.288
Chi phí khác	121.903.280.286	101.194.393.120

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.389.549.773	6.934.905.487

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.928.835.227	60.349.277.226
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	7.385.767.045	12.069.855.445
Chi phí không được khấu trừ thuế	208.435.350	385.964.674
Thu nhập không bị tính thuế	(3.204.652.622)	(5.520.914.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.389.549.773	6.934.905.487

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b> <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Cổ tức	76.667.110.800	56.667.110.800
<b>Công ty con</b> <i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.247.272.784	1.486.054.310
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.252.353.748	2.782.571.531
Mua hàng hóa	200.789.473	196.475.899
Lợi nhuận được chia	16.023.263.110	27.604.573.162
<b>Công ty liên kết</b> <i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i> Bán hàng hóa	749.925.600	676.541.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.427.781.706	22.805.545.531
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> <i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	4.210.210.659	6.858.759.943
<b>Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> <i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i> Bán hàng hóa	40.390.242.270	34.580.327.620
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	431.536	5.209.961
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i> Bán hàng hóa	17.535.827.330	20.240.621.060
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	893.863	3.258.645
<i>Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh</i> Bán hàng hóa	21.224.490.060	15.152.024.700
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	675.368	1.979.664
<b>Các công ty con khác của Công ty mẹ</b> Bán hàng hóa	638.308.412.568	612.236.910.336
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	1.201.265.833	6.985.055.025

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	664.956.921	684.040.261
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	633.292.306	651.466.915
<b>Phó Tổng Giám đốc 1</b>		
Tiền lương và thưởng	472.683.981	503.695.347
<b>Phó Tổng Giám đốc 2</b>		
Tiền lương và thưởng	420.446.981	503.695.347
<b>Phó Tổng Giám đốc 3</b>		
Tiền lương và thưởng	472.683.981	503.695.347
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 1</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	633.292.306	651.466.915
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 2</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	484.379.981	503.695.347
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 3</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	472.683.981	472.109.108
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 4</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	69.681.144	94.416.222
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 5</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	96.876.797	84.475.754
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 6</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	96.876.797	94.416.222
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 7</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	25.073.000	-
<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	484.379.981	472.109.108
<b>Thành viên Ban Kiểm soát 1</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	290.533.838	283.532.367
<b>Thành viên Ban Kiểm soát 2</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	58.105.167	56.708.073

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

2.5 -08- 2024

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

